

Số: 4278 /QĐ-UBND

Hiệp Hoà, ngày 06 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Dự án Hỗ trợ chăn nuôi bò lai shind sinh sản tại thôn Cầu, xã Đoàn Bái (nguồn vốn thuộc Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình MTQGGNBV giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 1676/VBHN-BLĐTBXH ngày 10/5/2023 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương.*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Ban hành quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 02/HDLN-SLĐTB&XH-SKH&ĐT-SNN&PTNT-STC ngày 05/7/2023 của liên ngành: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện Dự án 2- Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và Tiểu Dự án 1-Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp của Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (đợt 2), tỉnh Bắc Giang;*

*Theo đề nghị của UBND xã Đoàn Bái tại Tờ trình số 56/TTr- UBND ngày 29/9/2023 về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt Dự án Hỗ trợ chăn nuôi bò lai shind sinh sản tại thôn Cầu, xã Đoàn Bái và Tổ thẩm định Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo tại Tờ trình số 450/TTr- TTĐ ngày 04/10/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Dự án Hỗ trợ chăn nuôi bò lai shind sinh sản tại thôn Cầu, xã Đoàn Bái (nguồn vốn thuộc Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023) với nội dung như sau:

**1. Tên dự án:** Dự án Hỗ trợ chăn nuôi bò lai shind sinh sản tại thôn Cầu, xã Đoàn Bái.

**2. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân xã Đoàn Bái.

**3. Đại diện tổ (nhóm) cộng đồng:** Ông Nguyễn Văn Huệ; sinh ngày 01/10/1964; địa chỉ: Thôn Cầu, xã Đoàn Bái; Căn cước công dân số: 024064001233, ngày cấp 25/4/2021; Số điện thoại liên hệ: 0972750837.

**4. Thời gian triển khai:** Từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 9 năm 2025.

**5. Địa điểm, quy mô hiện dự án**

- **Địa điểm thực hiện:** Tại thôn Cầu của xã Đoàn Bái.

- **Quy mô:** Tổng số 14 con bò cái lai sind sinh sản; 01 con/hộ.

**6. Đối tượng tham gia, hình thức thực hiện**

- **Đôi tượng tham gia:** Tổng số thành viên tham gia thực hiện dự án: 20 hộ, trong đó: 07 hộ nghèo, 04 hộ cận nghèo, 03 hộ mới thoát nghèo, 06 hộ chăn nuôi giỏi (có danh sách các hộ tham gia thực hiện dự án kèm theo).

- **Hình thức thực hiện:** UBND xã trực tiếp thực hiện việc mua sắm (tổ chức các hoạt động đấu thầu đối với các nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu) và bàn giao sản phẩm cho đại diện cộng đồng (hỗ trợ bò cái giống) thông qua hình thức ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng (Tổ trưởng). Tổ trưởng sau khi nhận hỗ trợ bò cái giống có trách nhiệm chuyển giao cho các thành viên trong tổ để thực hiện chăn nuôi; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho Tổ cộng đồng và một số thành viên có liên quan. Các hộ tham gia dự án có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển dự án theo bản cam kết đã ký; sau mỗi kỳ chăn nuôi có trách nhiệm tái sản xuất mở rộng đàn bò của các hộ tham gia dự án.

**7. Các hoạt động dự án:** (Có phương án tổ chức các hoạt động kèm theo).

## 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 450.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ: 270.000.000 đồng;
- Vốn đối ứng của các hộ tham gia dự án: 180.000.000 đồng.

(Có biểu dự toán kinh phí kèm theo)

## 9. Hình thức, mức quay vòng vốn

Thu hồi, quay vòng vốn bằng tiền mặt; tỷ lệ thu hồi 5% theo Điều 4 Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang; thời gian thu hồi tối đa không quá 03 tháng sau khi kết thúc dự án.

## 10. Dự kiến hiệu quả của dự án

Khi tham gia dự án hộ chăn nuôi bò lai sind sau 02 năm nuôi với 14 con bò cái giống sẽ cho sinh sản ra khoảng 14 con bê nuôi đến 8 -10 tháng tuổi có giá từ 16 - 20 triệu đồng/con, tổng số tiền bán bê đạt khoảng 250 triệu đồng, bình quân mỗi hộ sẽ cho thu nhập 18 triệu đồng. Sau khi dự án kết thúc dự kiến có khoảng 70% hộ thoát nghèo; 03 hộ mới thoát nghèo kinh tế ổn định, không tái nghèo.

**11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:** Thu hồi lại 100% vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ hộ dân tham gia dự án.

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã Đoàn Bái thông báo nội dung của dự án đã được phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án; Ký hợp đồng với đại diện Tổ nhóm cộng đồng tổ chức thực hiện các nội dung dự án; Tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu đối với các nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu ; Bàn giao tài sản cho tổ nhóm cộng đồng để triển khai thực hiện dự án (theo mẫu số 01/TSC-BBGN Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

*của Luật quản lý, sử dụng tài sản công*); Nghiệm thu kết quả, khối lượng, chất lượng công việc, đồng thời hướng dẫn, theo dõi triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung, tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện Tổ nhóm cộng đồng; Giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện cụ thể của dự án, báo cáo về UBND huyện (*qua Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội*).

UBND xã Đoan Bái có trách nhiệm tổ chức thu hồi, quay vòng nguồn vốn hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

**2.** Giao Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện chủ trì, phối hợp, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

**3.** Giao Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đơn đốc, kiểm tra thực hiện đảm bảo đúng tiến độ dự án và việc chấp hành các quy định pháp luật của cộng đồng thực hiện dự án.

**4.** Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xã, Tổ cộng đồng thực hiện các nội dung liên quan đến hoạt động của dự án.

**5.** Giao Tổ trưởng Tổ cộng đồng và các thành viên tổ chức triển khai thực hiện nội dung kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm theo Quyết định phê duyệt và Hợp đồng ký kết với UBND xã Đoan Bái; Sử dụng con giống được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng mục đích, nội dung, dự toán tại Quyết định phê duyệt dự án; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự án theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động- Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND xã Đoan Bái, Tổ cộng đồng và các ông, bà có tên trong danh sách tham gia dự án tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Lao động-TB&XH;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVVX;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Nghị**

**DANH SÁCH CÁC HỘ THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN  
HỖ TRỢ CHĂN NUÔI BÒ LAI SHIND SINH SẢN  
TẠI THÔN CẦU, XÃ ĐOAN BÁI**  
(Kèm theo Quyết định số 4278 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023  
của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)

TT	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ	Thuộc đối tượng	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Huệ	01/10/1964	Kinh	Cầu	Hộ chăn nuôi giỏi	Tổ trưởng
2	Nguyễn Văn Chúc	30/5/1960	Kinh	Cầu	Hộ chăn nuôi giỏi	Tổ phó
3	Hà Văn Dân	18/6/1987	Kinh	Cầu	Hộ chăn nuôi giỏi	Thành viên
4	Hà Văn Đoàn	16/6/1960	Kinh	Cầu	Hộ chăn nuôi giỏi	Thành viên
5	Nguyễn Văn Tèo	18/02/1962	Kinh	Cầu	Hộ chăn nuôi giỏi	Thành viên
6	Hà Văn Xuân	25/5/1956	Kinh	Cầu	Hộ chăn nuôi giỏi	Thành viên
7	Hà Văn Hợi	25/3/1983	Kinh	Cầu	Hộ nghèo	Thành viên
8	Lê Văn Hào	21/01/1989	Kinh	Cầu	Hộ nghèo	Thành viên
9	Nguyễn Thị Thơ	06/01/1971	Kinh	Cầu	Hộ nghèo	Thành viên
10	Hà Thị Ngời	01/7/1973	Kinh	Cầu	Hộ nghèo	Thành viên
11	Hà Thị Định	01/02/1947	Kinh	Cầu	Hộ nghèo	Thành viên
12	Hà Văn Thạch	10/7/1964	Kinh	Cầu	Hộ nghèo	Thành viên
13	Ngô Thị Chính	01/7/1954	Kinh	Cầu	Hộ nghèo	Thành viên
14	Trịnh Văn Bé	07/7/1983	Kinh	Cầu	Cận nghèo	Thành viên
15	Hà Thị Đạo	01/01/1965	Kinh	Cầu	Cận nghèo	Thành viên
16	Đặng Thị Huệ	10/10/1972	Kinh	Cầu	Cận nghèo	Thành viên
17	Lê Văn Thịnh	02/01/1989	Kinh	Cầu	Cận nghèo	Thành viên
18	Nguyễn Thị Xây	01/6/1958	Kinh	Cầu	Mới thoát nghèo	Thành viên
19	Nguyễn Văn Viễn	06/02/1990	Kinh	Cầu	Mới thoát nghèo	Thành viên
20	Nguyễn Văn Sinh	01/6/1972	Kinh	Cầu	Mới thoát nghèo	Thành viên

Tổng số thành viên tham gia thực hiện dự án: 20 hộ, trong đó: 07 hộ nghèo, 04 hộ cận nghèo, 03 hộ mới thoát nghèo và 06 hộ chăn nuôi giỏi.

**NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN**  
**HỖ TRỢ CHĂN NUÔI BÒ LAI SHIND SINH SẢN**  
**TẠI THÔN CẦU, XÃ ĐOAN BÁI**  
(Kèm theo Quyết định số 4278 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023  
của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)

---

## **1. Nhu cầu sản xuất sản phẩm của cộng đồng dân cư**

### ***1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội thôn Cầu, xã Đoan Bái***

Thôn Cầu, xã Đoan Bái là thôn thuần nông, đời sống kinh tế của Nhân dân chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp. Năm 2022, tổng số toàn thôn có 20 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 13,1%, trong đó: Hộ nghèo 10 hộ, chiếm tỷ lệ 6,5; hộ cận nghèo 10 hộ, chiếm tỷ lệ 6,5%. Hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thôn chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, chăn nuôi nhỏ lẻ, thiếu kiến thức, kỹ năng sản xuất, nên thu nhập rất bấp bênh, lương thực từ nông nghiệp chủ yếu phục vụ cho gia đình; thu nhập bình quân đầu người rất thấp. Trên địa bàn thôn không có doanh nghiệp thu gom, chế biến, bao tiêu sản phẩm đầu ra về nông nghiệp; hỗ trợ người dân phát triển sản xuất với quy mô đủ lớn để hình thành vùng chăn nuôi.

Tuy nhiên thôn Cầu, xã Đoan Bái có tiềm năng chăn nuôi phát triển đàn bò sinh sản với quỹ đất nông nghiệp rộng khoảng 37 ha; số lượng lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số lao động.

### ***1.2. Tổng quan về phát triển chăn nuôi trước khi thực hiện dự án***

Trên địa bàn thôn Cầu có đàn trâu, bò phát triển chậm, không ổn định và phụ thuộc nhiều yếu tố. Chưa áp dụng công nghệ lai tạo tại địa phương từ các giống bò có năng suất cao; người chăn nuôi chưa tiếp cận với việc tập huấn nâng cao nhận thức, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi bò; việc thực hiện quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, xây dựng chuồng trại, vệ sinh thú y... còn nhiều hạn chế nên dịch bệnh dễ bùng phát và lan rộng, khó kiểm soát, kế hoạch tái đàn khó khăn. Mô hình chăn nuôi bò sinh sản theo dự án sẽ tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình. Việc phát triển mô hình chăn nuôi bò đã cho thấy rõ hiệu quả kinh tế đem lại nguồn thu gấp 2-3 lần các sản phẩm khác tại địa phương, góp phần giảm nghèo và trở thành mô hình chủ lực để các hộ dân học tập, nhân rộng trên địa bàn xã.

### ***1.3. Sự cần thiết xây dựng dự án***

Thực hiện chủ chương của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trong đó có Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Đoan Bái năm 2023.

Để phát triển kinh tế theo hình thức hỗ trợ phát triển kinh tế cộng đồng mạng lại lợi ích kinh tế cao, thoát nghèo bền vững, tiếp tục nhân rộng mô hình phát triển sản xuất trong tương lai. Các hộ dân tham gia dự án có khả năng đối ứng vốn để tiếp tục phát triển sản xuất và thực hiện tỷ lệ thu hồi vốn (5%) để tiếp tục đầu tư cho các hộ dân khác trên địa bàn cùng làm kinh tế để vươn lên thoát nghèo. Đây

manh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy hoạch; ưu tiên phát triển chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học; chăn nuôi có gắn với tiêu thụ sản phẩm; chú trọng công tác giống, kiểm soát dịch bệnh.

## **2. Xác định mục tiêu của dự án**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò lai shind sinh sản tại thôn Cầu , xã Đoan Bái góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho các hộ dân trong thôn. Đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo, nâng cao đời sống cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đóng góp cho sự phát triển nông nghiệp , nông thôn và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Phát triển chăn nuôi bò sinh sản theo hướng hàng hóa, phù hợp với điều kiện canh tác của người dân trong thôn, thân thiện với môi trường, đảm bảo tạo ra giá trị kinh tế, lợi ích cho các hộ dân tham gia dự án.

Dự án tạo ra việc làm cho lao động các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án và các lao động thời vụ tham gia hoạt động mua bán, vận chuyển,... đồng thời, các hộ dân tham gia thực hiện dự án có mức thu nhập tăng tối thiểu 20-30% từ việc chăn nuôi bò sinh sản. Dự kiến 70% hộ dân tham gia dự án thoát nghèo.

Hộ dân tham gia dự án được hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi bắt tay chỉ việc, hướng dẫn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi cho người dân chưa có kinh nghiệm. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án, bổ sung kiến thức công tác giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội tại địa phương.

## **3. Xác định các hoạt động của dự án**

- Năm 2023: Xây dựng dự án, lập dự toán kinh phí thực hiện dự án gửi UBND xã trình UBND huyện phê duyệt dự án. Tổ chức tập huấn chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân (kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò sinh sản); tổ chức sản xuất; giám sát, nghiệm thu chuồng trại, tiếp nhận và cấp phát đủ số lượng bò sinh sản được nhà nước hỗ trợ cho các hộ dân tham gia thực hiện dự án; hoàn thiện hồ sơ, chứng từ, báo cáo tiến độ trình cơ quan chức năng nghiệm thu, quyết toán các hạng mục hỗ trợ.

- Năm 2024: Thường xuyên giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, đôn đốc người dân tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh trên đàn bò sinh sản; tổ chức tập huấn kỹ thuật qua các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của đàn bò.

- Năm 2025: Thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng tiêu thụ bò con, thu hồi vốn theo quy định. Đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện mô hình cho cơ quan quản lý nhà nước; xem xét hiệu quả, mở rộng quy mô. Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn xã Đoan Bái, hình thức quay vòng bằng tiền mặt với tỷ lệ thu hồi vốn là 5% vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp để thực hiện dự án tiếp theo.

#### **4. Xác định phương án huy động và sử dụng vốn**

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 450.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn*). Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ: 270.000.000 đồng (*tương ứng 60% tổng kinh phí dự án*); Vốn đối ứng của các hộ tham gia dự án: 180.000.000 đồng (*tương ứng 40% tổng kinh phí dự án*).

##### **4.1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 270.000.000 đồng;** Trong đó:

- Hỗ trợ mua giống bò sinh sản: 251.020.000 đồng
- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: 8.800.000 đồng
- Hỗ trợ chi phí quản lý dự án: 10.180.000 đồng

##### **4.2. Đối ứng của các hộ gia đình tham gia dự án: 180.000.000 đồng;** Trong đó:

- Chi phí xây dựng, sửa chữa chuồng trại: 70.812.000 đồng.
- Chi phí thức ăn chăn nuôi: 99.036.000 đồng.
- Chi phí vắc xin, thuốc thú y: 6.902.000 đồng.
- Chi phí mua giống cỏ VA06: 2.800.000 đồng.
- Chi phí phối giống: 450.000 đồng.

#### **5. Xác định về doanh thu, chi phí, lợi nhuận**

Khi tham gia dự án hộ chăn nuôi bò lai sinh sau 02 năm chăn nuôi với 14 con bò giống sinh sản sẽ cho ra khoảng 14 con bê con, nuôi khoảng 8 -10 tháng tuổi có giá từ 16 - 20 triệu đồng/con số tiền bán bê giống ước đạt khoảng 250 triệu đồng, bình quân mỗi hộ sẽ cho thu nhập khoảng 18 triệu đồng.

#### **6. Xác định hiệu quả của dự án**

**6.1. Hiệu quả về kinh tế:** Dự án Hỗ trợ chăn nuôi bò lai sinh sản tại thôn Cầu, xã Đoan Bái tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và trở thành mô hình chủ lực để các hộ dân học tập, nhân rộng trên địa bàn xã.

**6.2. Hiệu quả về môi trường:** Dự án áp dụng kỹ thuật phù hợp giúp hạn chế ô nhiễm môi trường, tạo được thu nhập cho người dân.

##### **6.3. Hiệu quả về xã hội**

- Tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội thực hiện thành công chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Sau khi dự án kết thúc dự kiến có khoảng 70% số hộ thoát nghèo; 03 hộ mới thoát nghèo kinh tế ổn định, không tái nghèo.

- Xây dựng thành công dự án góp phần cải tạo việc làm nâng cao thu nhập cho các hộ dân, tăng sản phẩm cho xã hội, đời sống được cải thiện góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương./.



**BIỂU DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN**  
**DỰ ÁN HỖ TRỢ CHĂN NUÔI BÒ LAI SHIND SINH SẢN TẠI THÔN CẦU, XÃ ĐOAN BÀI**  
(Kèm theo Quyết định số 4278 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)

*DVT: đồng.*

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng hỗ trợ	Đơn giá (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Năm 2023		Ghi chú
						NSNN	Đối ứng	
<b>I. KHẢO SÁT, XÂY DỰNG DỰ ÁN</b>								
1.	Chi phí cho lập HSMT, đánh giá HSMT, chứng thư thẩm định giá, thuyết minh, đăng tải,....	Gói	1	10 180 000	10 180 000	10 180 000		
<b>II. NỘI DUNG THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>								
<b>1</b>	<b>Con giống, vật tư</b>							
<b>a</b>	<b>Hỗ trợ con giống</b>				<b>251 020 000</b>	<b>251 020 000</b>		
-	Bò cái giống (14 con, tuổi từ 10 tháng, trọng lượng từ 150 - 170 kg/con, đơn giá 110.000đ/kg)	Kg	2282	110 000	251 020 000	251 020 000		
<b>b</b>	<b>Thuốc thú y và vắc xin (phòng bệnh,.....)/2 năm</b>				<b>6 902 000</b>		<b>6 902 000</b>	
-	Thuốc trị nội ngoại ký sinh trùng (Ivermectin)	lọ 100ml	4	110 000	440 000		440 000	
-	Thuốc trị ký sinh trùng đường máu (Azidin)	Lọ 20cc	30	45 000	1 350 000		1 350 000	
-	Vắc xin tụ huyết trùng trâu bò (mỗi con 2 liều)	Liều	28	9 000	252 000		252 000	
-	Vắc xin viêm da nổi cục (mỗi con 2 liều)	Liều	30	35 000	1 050 000		1 050 000	
-	Vắc xin lở mồm long móng trâu bò (mỗi con 2 liều)	Liều	28	25 000	700 000		700 000	
-	Thuốc khử trùng (belkocid)	lít	8	135 000	1 080 000		1 080 000	
-	Men tiêu hóa trộn thức ăn:	kg	14	70 000	980 000		980 000	
-	Đá liếm (khoáng, canxi)	kg	70	15 000	1 050 000		1 050 000	
<b>c</b>	<b>Thức ăn</b>				<b>99 036 000</b>		<b>99 036 000</b>	

	<i>Năm 2023</i>				<i>6 048 000</i>		<i>6 048 000</i>	
-	Thức ăn bột ngô (0.8kg/con/ngày x 60 ngày)	kg	672	9 000	6 048 000		6 048 000	
	<i>Năm 2024</i>				<i>54 432 000</i>		<i>54 432 000</i>	
-	Thức ăn cám gạo (0,6 kg/con/ngày x 360 ngày)	kg	3024	6 000	18 144 000		18 144 000	
-	Thức ăn bột ngô (0,8 kg/con/ngày x 360 ngày)	kg	4032	9 000	36 288 000		36 288 000	
	<i>Năm 2025</i>				<i>38 556 000</i>		<i>38 556 000</i>	
-	Thức ăn cám gạo (0,5kg/con/ngày x 270 ngày)	kg	1890	6 000	11 340 000		11 340 000	
-	Thức ăn bột ngô (0,8 kg/con/ngày x 270 ngày)	kg	3024	9 000	27 216 000		27 216 000	
<b>d</b>	<b>Chi phí phối giống</b>	<b>lần</b>	<b>1</b>	<b>450 000</b>	<b>450 000</b>		<b>450 000</b>	
<b>e</b>	<b>Giống cỏ voi (500m<sup>2</sup>/hộ x 14 hộ x 20kg giống/hộ)</b>	<b>kg</b>	<b>280</b>	<b>10 000</b>	<b>2 800 000</b>		<b>2 800 000</b>	
<b>2</b>	<b>Xây dựng, cải tạo chuồng trại (Dự kiến quy mô chuồng nuôi 01 con/chuồng x 6m<sup>2</sup>/con/hộ) x 14 hộ</b>				<b>70 812 000</b>		<b>70 812 000</b>	
-	Đá xi măng (240 viên/1 chuồng x 14 chuồng)	Viên	3360	1 700	5 712 000		5 712 000	
-	Xi măng (400kg/1 chuồng x 14 chuồng)	Kg	5600	1 200	6 720 000		6 720 000	
-	Cát (3m <sup>3</sup> /1 chuồng x 14 chuồng)	m <sup>3</sup>	42	350 000	14 700 000		14 700 000	
-	Tôn lợp mái (9m <sup>2</sup> /1 chuồng x 14 chuồng)	m <sup>2</sup>	126	120 000	15 120 000		15 120 000	
-	Sắt hộp 3x6 (3 cây/1 chuồng x 14 chuồng)	Cây	42	230 000	9 660 000		9 660 000	
-	Thuê nhân công lao động (3 công/1 chuồng)	Công	42	450 000	18 900 000		18 900 000	
<b>3</b>	<b>Tập huấn, đào tạo kiến thức</b>				<b>8 800 000</b>	<b>8 800 000</b>		
<b>a</b>	<b>Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò (01 lớp)</b>				<b>4 400 000</b>	<b>4 400 000</b>		
-	Thù lao cho giảng viên (500.000 đồng/ngày x 01 ngày)	Ngày	1	500 000	500 000	500 000		
-	Văn phòng phẩm (30 người/lớp)	Người	30	10 000	300 000	300 000		
-	Tài liệu học tập (30 người/lớp)	Người	30	10 000	300 000	300 000		
-	Thiết bị hội trường, khánh tiết, market,....	Gói	1	500 000	500 000	500 000		
-	Nước uống (30 người/lớp x 10 đồng/người x 01 ngày)	Người	30	10 000	300 000	300 000		
-	Hỗ trợ tiền ăn cho người dân không hưởng	Người	25	100 000	2 500 000	2 500 000		

	lương (01 ngày x 25 người/lớp)							
<b>b</b>	<b>Tập huấn về thú y (phòng trừ dịch bệnh): 01 lớp</b>				<b>4 400 000</b>	<b>4 400 000</b>		
-	Thù lao cho giảng viên (500.000 đồng/ngày x 01 ngày)	Ngày	1	500 000	500 000	500 000		
-	Văn phòng phẩm (30 người/lớp)	Người	30	10 000	300 000	300 000		
-	Tài liệu học tập (30 người/lớp)	Người	30	10 000	300 000	300 000		
-	Thiết bị hội trường, khánh tiết, market,....	Gói	1	500 000	500 000	500 000		
-	Nước uống (30 người/lớp x 10 đồng/người x 01 ngày)	Người	30	10 000	300 000	300 000		
-	Hỗ trợ tiền ăn cho người dân không hưởng lương (01 ngày x 25 người/lớp)	Người	25	100 000	2 500 000	2 500 000		
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>450 000 000</b>	<b>270 000 000</b>	<b>180 000 000</b>	